

-(으)ㄴ/는 편이다

thuộc loại, khá là

Mô tả một khuynh hướng chung chứ không phải một sự thật tuyệt đối. 편 có nghĩa là “phía, bên”, nên cụm này đặt sự vật về một phía trên thang đo — một cách rất Hàn Quốc để tránh khẳng định tuyệt đối.

Cách kết hợp

Loại từ	Dạng	Ví dụ
Tính từ	-(으)ㄴ 편이다	좋다 → 좋은 편이에요
Động từ	-는 편이다	가다 → 가는 편이에요
Nhóm 있다 / 없다	-는 편이다	재미있는 편이에요
Kết thúc bằng ㄹ	ㄹ rơi	만들다 → 만드는 편이에요
Khuynh hướng trong quá khứ	-(으)ㄴ/는 편이었 다	조용한 편이었어요
Không dùng	sự việc đơn lẻ	어제 늦은 편이에요 là sai cho

Khi nào dùng

Hình thức theo hệ thống định ngữ. Tính từ dùng -(으)ㄴ 편이다: 좋은 편이에요. Động từ dùng -는 편이다: 자주 가는 편이에요. Gốc có ㄹ thì rơi ㄹ.

Nó làm mềm một lời nhận xét. 저는 매운 음식을 잘 먹는 편이에요 cho biết bạn thuộc phía “ăn cay được” mà không tự nhận là chuyên gia. Người Hàn dùng nó liên tục khi mô tả bản thân, vì tự đánh giá thẳng thừng nghe khá cộc lốc.

Nó mô tả khuynh hướng, không phải sự việc đơn lẻ. Một lần duy nhất thì không có “phía” nào cả: 어제 늦은 편이에요 không dùng được, vì đến muộn một lần hôm qua là sự thật chứ không phải một khuôn mẫu.

Ví dụ trong câu

- 1

저는 매운 음식을 잘 먹는 편이에요.
Tôi ăn cay khá được.
- 2

이 동네는 조용한 편이에요.
Khu này thuộc loại yên tĩnh.
- 3

저는 아침에 일찍 일어나는 편이에요.
Tôi thường dậy sớm.
- 4

그 식당은 값이 좀 비싼 편이에요.
Nhà hàng đó thuộc loại đắt.
- 5

저는 요리를 자주 만드는 편이에요.
Tôi nấu ăn khá thường xuyên.
- 6

학생 때는 조용한 편이었어요.
Hồi đi học tôi khá ít nói.

So sánh với

-(으)ㄴ/는 것 같다

것 같다 giảm mức độ chắc chắn về một sự thật; 편이다 giảm mức độ của một tính chất. Bạn có thể khá chắc chắn mà vẫn dùng 편이다.

비싼 것 같아요. (tôi nghĩ là đắt) / 비싼 편이에요. (thuộc loại đắt)

Tính từ nguyên dạng

Dạng nguyên khẳng định; 편이다 đặt lên thang đo. Khi mô tả bản thân, tiếng Hàn rất chuộng cách nói mềm hơn.

저는 조용해요. (tôi trầm tính) / 저는 조용한 편이에요. (tôi thuộc kiểu trầm tính)

좀 / 조금

Những từ này giảm mức độ; 편이다 đặt sự vật trong tương quan với cái khác. Chúng kết hợp với nhau rất tự nhiên: 좀 비싼 편이에요.

좀 비싸요. (hơi đắt) / 비싼 편이에요. (đắt, so với mặt bằng)

Lưu ý

- ✗ 이 동네는 조용하는 편이에요.

○ 이 동네는 조용한 편이에요.
조용하다 là tính từ nên dùng -(으)ㄴ. -는 dành cho động từ và nhóm 있
다.
- ✗ 저는 요리를 자주 만들는 편이에요.

○ 저는 요리를 자주 만드는 편이에요.
Gốc từ kết thúc bằng ㄹ bị rơi ㄹ trước -는, như mọi nơi khác trong hệ
thống định ngữ.
- ✗ 어제 조금 늦은 편이에요.

○ 어제 조금 늦었어요.
편이다 mô tả thói quen hoặc tính chất chung. Một sự việc đơn lẻ hôm
qua chỉ là sự thật và dùng quá khứ đơn.